

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào Vi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân;

2. Bà Trần Thị Bích Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (Số 60 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1985; Địa chỉ: 262 B, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Văn Q, sinh năm 1979; Địa chỉ: 262 B, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2022, bản tự khai ngày 23/3/2022 của chị Nguyễn Thị Bảo N và bản tự khai của anh Hồ Văn Q ngày 12 tháng 4 năm 2022 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn Q và chị Nguyễn Thị Bảo N tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 01/01/2017 tại Ủy ban nhân dân phường H cũ nay là phường Gia H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại 262 B, phường Gia H, thành phố H. Quá trình chung sống theo lời khai của chị N vợ chồng sống không hạnh phúc mà luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q cờ bạc, xúc phạm đánh đập chị N, vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N gửi đơn xin được ly hôn với anh Q.

Về phía bị đơn anh Q trình bày: Về thời điểm vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn như chị N trình bày. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu

thuận là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bảo N và anh Hồ Văn Q xác nhận, vợ chồng có một con chung tên là Hồ Thị Ánh M, sinh ngày 07/03/2018. Hiện nay con chung đang ở với anh Q. Các đương sự thỏa thuận giao con chung của vợ chồng cho anh Hồ Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Bảo N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bảo N và anh Hồ Văn Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã gửi giấy triệu tập cũng như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 15/4/2022 cho chị Nguyễn Thị Bảo N và anh Hồ Văn Q, tuy nhiên chị N và anh Q đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào lúc 08 giờ ngày 26/5/2022.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị N được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Giao cháu Hồ Thị Ánh M, sinh ngày 07/03/2018 cho anh Hồ Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu M đang ở với anh Q. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con một tháng 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bảo N và anh Hồ Văn Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Tuyên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bảo N, anh Hồ Văn Q xác nhận chung sống với nhau, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của chị N, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, lời khai của chị N, anh Q để có cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Thực tế vợ chồng đã ly thân nhau về mặt tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã gửi thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để mục đích hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng cả chị N và anh Q không đến Tòa án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bản thân anh Q cũng đồng ý ly hôn với chị N. Nhận thấy vợ chồng chị N, anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị N được ly hôn với anh Q là phù hợp pháp luật.

[3] Về việc nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Bảo N và anh Hồ Văn Q xác nhận, vợ chồng có một con chung tên là Hồ Thị Ánh M, sinh ngày 07/03/2018. Hiện nay con chung đang ở với anh Q. Các đương sự thỏa thuận giao con chung cho anh Hồ Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Bảo N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự thỏa thuận về việc nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con đảm bảo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bảo N và anh Hồ Văn Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bảo N được ly hôn với anh Hồ Văn Q; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung và tiền cấp dưỡng: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Hồ Thị Ánh M, sinh ngày 07/03/2018 cho anh Hồ Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu M đang ở với anh Q. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con một tháng 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bảo N và anh Hồ Văn Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bảo N chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2021/0000883 ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; Chị Nguyễn Thị Bảo N phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- UBND phường G, Tp H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSA;
- Lưu: AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Đào Vi**

